TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS - PT
Ngày 16 - 5 - 2023
V/v "Tranh chấp Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn San và bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 16 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2013, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989; anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991; bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Văn H: Ông Mai Sỹ L - Luật sư của Văn phòng luật sư Q và C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ1, sinh năm 1962, NLQ2, sinh năm 1983 và NLQ3, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam, có mặt NLQ1, NLQ2; vắng mặt NLQ3.

- NLQ4, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt khi tuyên án.

- Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; ông C có mặt.

- NLQ5, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Nguyễn Văn L2 (Ông L2 chết năm 2017): Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1977; anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989; anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991; cháu Nguyễn Văn D, sinh năm 2010. (Cháu D do bà Nguyễn Thị B là mẹ đẻ đại diện); cụ Nguyễn Văn Q, sinh năm 1939; cụ Nguyễn Thị M, sinh năm 1935 (Cụ M chết ngày 23/9/2022). Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Bà B, anh H, anh N đều có mặt. Cụ Q, cháu D vắng mặt.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của cụ Nguyễn Thị M: Cụ Nguyễn Văn Q, sinh năm 1939; ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1960 (Ông Q1 chết năm 2013); ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1972; ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1976; ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt ông D1, ông N1; vắng mặt ông Q, ông L1.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Nguyễn Văn Q1: Bà Dương Thị N1, sinh năm 1964; chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1986; anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1988, anh Nguyễn Văn Q2, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; đều vắng mặt.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà Phan Thị H1 (Bà H1 chết năm 2007): Cụ Phan Văn T, cụ Đặng Thị N3 (Cụ T chết 1991, cụ N3 chết 2016). Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989; anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; anh N, anh H có mặt.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của cụ Nội: Ông Phan Văn T1 (Ông T1 chết năm 2009); ông Phan Văn Đ, sinh năm 1963; ông Phan Văn C1, sinh năm 1965; ông Phan Văn S, sinh năm 1973; bà Phan Thị N4, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; ông C1, ông Đ, ông S, bà N4 đều vắng mặt.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Phan Văn T1: Bà Bùi Thị N5, sinh năm 1953; anh Phan Văn H2, sinh năm 1984; anh Phan Văn T2, sinh năm 1985; chị Phan Thị N6, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; bà N5 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh T2, anh H2, chị N6; đều vắng mặt.

- NLQ6; người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn K, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989 và anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991 đều là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và Bản án dân sự sơ thẩm cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Năm 2001, gia đình ông Nguyễn Văn C có 04 khẩu được giao chia đất nông nghiệp gồm NLQ1 (Vợ ông C) và 03 người con là NLQ2, NLQ3, NLQ4 mỗi khẩu được giao chia theo tiêu chuẩn 1,6 sào/01 khẩu. Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao chia là 2.304m^2. Sau khi được giao chia đất nông nghiệp, gia đình ông C sử dụng đến khoảng cuối năm 2002 thì ông C đổi ruộng ở khu vực Đồng Ngoài có diện tích 792m^2 cho ông Nguyễn Văn L2 để lấy ruộng ở Đồng Khê của hộ ông L2 sử dụng. Khi đổi ruộng hai bên không đến thực địa đo đạc, giao ruộng cho nhau, không lập hợp đồng mà chỉ thoả thuận với nhau bằng miệng, thời hạn đổi ruộng đến hết năm 2012 thì phải trả ruộng cho nhau, mục đích đổi ruộng để thuận tiện cho việc canh tác. Khi đổi ruộng giữa hai bên gia đình không báo chính quyền địa phương, không sang tên hoặc chỉnh lý trong sổ địa chính. Quá trình đổi ruộng cho ông L2 chỉ có một mình ông C tham gia đổi với ông L2 còn các thành viên trong gia đình ông C không biết. Khi ông C và ông L2 đổi ruộng, trên đất ruộng không có tài sản, cây cối, vật kiến trúc gì, gia đình ông vẫn sử dụng để cấy lúa. Việc đổi ruộng cho nhau không ai phải thanh toán khoản tiền nào, nghĩa vụ nộp sản phẩm ruộng của hộ nào thì hộ đó đóng sản phẩm trên đất nông nghiệp được giao chia. Năm 2001 diện tích đất nông nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), chứng nhận hộ ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng 2.304m^2 đất, tại xã Nguyễn Úy huyện Kim Bảng, tờ bản đồ 5, thửa 45 (26), diện tích 792m^2 tại Đồng Ngoài; số tờ bản đồ 6, thửa 128 (6), diện tích 288m^2 tại Bãi Giỏ; số tờ bản đồ 9, thửa 42 (30), diện tích 202m^2 tại Sậy Dưới; số tờ bản đồ 9, thửa 44 (105), diện tích 230m^2 tại Sậy Trên; số tờ bản đồ 9, thửa 79 (2), diện tích 792m^2 tại Chéo Khê, đều mục đích sử dụng trồng lúa, thời hạn sử dụng đến tháng 12/2013. Sau khi được cấp GCNQSDĐ số U 227661 ngày 05/12/2001 hộ gia đình ông C không ai khiếu nại thắc mắc gì về việc cấp GCNQSDĐ và GCNQSDĐ không cầm cố hay thế chấp gì. Hiện nay GCNQSDĐ gia đình ông C đang quản lý chưa bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi. Năm 2013 thực hiện việc dồn đổi đất nông nghiệp, ông C đã đến trực tiếp nhà ông L2 đặt vấn đề để hai bên trả lại ruộng cho nhau nhưng ông L2 không đồng ý nên ông C đã trả lại ruộng của hộ ông L2 được chia tại Đồng Khê khoảng 1,5 sào cho ông Trưởng xóm 3 (Nay là thôn Phù Lưu 1). Diện tích đất 792m^2 đang có tranh chấp có tứ cận, phía Đông, Tây, Nam, Bắc ông C không định hướng được mà chỉ biết một cạnh giáp đất nông nghiệp bà Đa, ba cạnh còn lại giáp đường, số đo từng cạnh thửa đất ông C không xác định được. Sau khi được dồn đổi ruộng, gia đình ông C vẫn được giao chia diện tích 792m^2 ở Đồng Ngoài giữ nguyên và đóng sản phẩm hàng năm. Nay xảy ra tranh chấp ông C đề nghị Toà án hoà giải để hai bên thoả thuận. Trường hợp không thoả thuận được, đề nghị Toà án buộc bà B, anh H, anh N phải tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất gồm chuồng lợn; móng đá xây chuồng lợn; đất vượt lập; bể Biôga và di chuyển cây cối hoa màu để trả lại diện tích đất nông nghiệp 792m^2 ở Đồng Ngoài, tờ bản đồ 5, thửa 45 (26) cho hộ ông C.

Quan điểm của các bị đơn anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N cùng xác định: Gia đình anh có 4 khẩu được giao chia đất nông nghiệp gồm ông Nguyễn Văn L2 (Chết năm 2017), bà Phan Thị H1 (Chết năm 2007), anh N và anh H; tổng diện tích đất được chia là 2.304m^2 đã được cấp GCNQSDĐ, cụ thể đứng tên ai, số thửa, tờ bản đồ các anh không biết, vị trí từng thửa ruộng tại vị trí nào, diện tích bao nhiêu các anh đều không biết; vì khi đó các anh còn nhỏ. Cụ thể, việc đổi ruộng nông nghiệp trước đó giữa ông L2 và ông C như thế nào, anh em các anh cũng không biết. Năm 2007 bà H1 chết, năm 2008 ông L2 kết hôn với bà B. Sau khi kết hôn anh H, anh N sinh sống cùng ông L2 và bà B trên diện tích trang trại ở Đồng Ngoài và một nhà cấp 4 lợp tôn rộng khoảng 100m^2, một chuồng lợn lợp tôn rộng khoảng 200m^2, một chuồng ngan hơn 100m^2 và một nhà kho lợp Prôximang; ngoài ra, xung quanh trồng khoảng 25 cây vải đã thu hoạch và một số cây, na, nhãn. Năm 2017, ông L2 chết, diện tích đất trang trại có khoảng một mẫu mốt sào Bắc bộ; trong đó: Đất của hộ ông Đ1, ông T3, bà X và phần diện tích đất của hộ ông C mà ông L2 đã đổi; cụ thể diện tích đất bao nhiêu, đã được cấp GCNQSDĐ hay chưa các anh đều không biết. Bố mẹ các anh chết không để lại di chúc, do mô hình đã làm sẵn nên anh em các anh và bà B sử dụng, không có công sức đóng góp tạo lập tài sản gì thêm. Đối với diện tích đất nông nghiệp thì nhà nào vẫn nộp thuế đất nhà đấy, đối với đất nông nghiệp ở Đồng Ngoài 792m^2 gia đình anh chưa được cấp GCNQSDĐ, chưa được đứng tên trong sổ địa chính. Năm 2013, thực hiện chính sách dồn đổi ruộng đất của xã, UBND xã Nguyễn Uý có vận động gia đình nhưng ông L2 không nhất trí vì gia đình đã sử dụng ổn định và làm trang trại như các hộ gia đình xung quanh. Nay, hộ ông Nguyễn Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H, anh N và bà B phải tháo dỡ công trình, cây cối, hoa màu trên diện tích đất 792m^2 để trả lại đất nông nghiệp cho ông C, hai anh không đồng ý vì diện tích đất này bố mẹ các anh và ông C đã đổi cho nhau, sử dụng ổn định lâu dài và tạo dựng được các tài sản trên diện tích đất.

Bà Nguyễn Thị B trình bày: Năm 2008 bà kết hôn với ông Nguyễn Văn L2, gia đình ông L2 có mấy khẩu được chia ruộng đất nông nghiệp, năm nào, diện tích, vị trí các thửa ruộng bà không biết, việc đổi ruộng giữa ông C và ông L2 bà cũng không biết. Năm 2017, ông Nguyễn Văn L2 mất không để lại di chúc, không dặn dò gì đối với diện tích đất 792m^2 mà ông L2 đã đổi cho ông C, GCNQSDĐ nông nghiệp của hộ ông L2 bà không cầm và không biết. Sau khi kết hôn với ông L2, bà cùng cháu H, cháu N sinh sống trên diện tích trang trại tại Đồng Ngoài. Về công sức đóng góp đối với diện tích đất ở Đồng Ngoài bà không có. Nay, ông C yêu cầu tháo dỡ công trình, cây cối, hoa màu trên đất trả lại cho ông C diện tích đất 792m^2 ở cánh Đồng Ngoài, bà không đồng ý trả lại cho ông C vì ông L2 và ông C đã đổi đất cho nhau, gia đình đã sử dụng lâu dài và có nhiều công sức, tài sản đối với diện tích đất này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn H nhất trí với quan điểm của anh N, anh H và đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vì diện tích đất nông nghiệp tại Đồng Ngoài gia đình ông L2 đã sử dụng

ổn định, lâu dài, GCNQSDĐ số U 227861 ngày 05/12/2001 cấp cho hộ ông C đến thời hạn tháng 12/2013 nay đã hết thời hạn sử dụng đất nông nghiệp.

Quan điểm của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 đều xác định: Năm 2001, gia đình có 04 khẩu được giao chia đất nông nghiệp gồm NLQ1 (Mẹ đẻ) và NLQ2, NLQ3, NLQ4 mỗi khẩu được giao chia theo tiêu chuẩn là 1,6 sào/01 khẩu. Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao chia là 2.304m^2. Sau khi được giao chia đất nông nghiệp, gia đình sử dụng đến khoảng cuối năm 2002 thì ông C đổi ruộng ở khu vực Đồng Ngoài có diện tích là 792m^2 cho gia đình ông Nguyễn Văn L2, lấy ruộng ở khu vực Đồng Khê của ông L2; khi ông C đổi ruộng cho ông L2 chỉ có mình ông C tham gia đổi với ông L2, các thành viên trong hộ được giao chia đất nông nghiệp trong gia đình không biết. Năm 2001, diện tích đất nông nghiệp được cấp GCNQSDĐ, do ông C là chủ hộ và cũng trực tiếp sử dụng cấy lúa nên trong giấy ghi chứng nhận hộ ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng 2.304m^2 đất, tại xã Nguyễn Úy huyện Kim Bảng, tờ bản đồ 5, thửa 45 (26), diện tích 792m^2 tại Đồng Ngoài; số tờ bản đồ 6, thửa 128 (6), diện tích 288m^2 tại Bãi Giỏ; số tờ bản đồ 9, thửa 42 (30), diện tích 202m^2 tại Sậy Dưới; số tờ bản đồ 9, thửa 44 (105), diện tích 230m^2 tại Sậy Trên; số tờ bản đồ 9, thửa 79 (2), diện tích 792m^2 tại Chéo Khê, đều mục đích sử dụng trồng lúa, thời hạn sử dụng đến tháng 12/2013. Sau khi được cấp GCNQSDĐ số U 227861 ngày 05/12/2001 không ai khiếu nại thắc mắc gì về việc cấp GCNQSDĐ. Hiện nay GCNQSDĐ ông C đang quản lý chưa bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi. Năm 2013 thực hiện việc dồn đổi đất nông nghiệp vị trí diện tích đất 792m^2 tại Đồng Ngoài vẫn được giữ nguyên và gia đình vẫn đóng sản phẩm đến nay. Nay xảy ra tranh chấp, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 cùng đề nghị Toà án buộc bà B, anh H, anh N tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất để trả lại diện tích đất nông nghiệp 792m^2 ở Đồng Ngoài cho hộ gia đình anh chị.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Nguyễn Văn L2: Bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn H, cháu Nguyễn Văn D, sinh năm 2010 (Cháu D do bà Nguyễn Thị B đại diện) đều nhất trí quan điểm đã trình bày. Cụ Nguyễn Văn Q, do tuổi cao không trình bày được nên xin vắng mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của cụ M gồm Ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Văn N1 trình bày: Cụ Nguyễn Văn Q và cụ Nguyễn Thị M, sinh được 5 người con gồm Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn Năm, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Văn L2 (ông Q1 chết năm 2013, ông L2 chết năm 2017), ông Q2 có vợ (Bà Dương Thị N1) và các con Nguyễn Thị N2, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Văn Q2. Các cụ không có con nuôi, con riêng. Việc đổi ruộng nông nghiệp giữa ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn L2 cụ thể vào thời gian nào và đổi như thế nào các ông không biết và không liên quan gì. Nay gia đình ông C khởi kiện yêu cầu bà B, anh H, anh N phải trả lại diện tích đất Đồng Ngoài, các ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Nguyễn Văn Q1: Bà Dương Thị N1, chị Nguyễn Thị N2, anh Nguyễn Văn Q1, anh Nguyễn Văn Q2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Cụ Nguyễn Văn Q, do tuổi cao không trình bày được nên xin vắng mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà Phan Thị H1: Ông Phan Văn Đ, ông Phan Văn C1, ông Phan Văn S, bà Phan Thị N4 trình bày: Bố mẹ đẻ các ông bà là Cụ Phan Văn T và cụ Đặng Thị N3, cụ T chết năm 1991, cụ N3 chết năm 2016. Bố mẹ các ông bà sinh ra được 06 người con gồm ông Phan Văn Đ, ông Phan Văn C1, ông Phan Văn S, bà Phan Thị N4, ông Phan Văn T1, bà Phan Thị H1 (Ông T1, bà H1 đã chết), ông T1 có vợ là bà Bùi Thị N5 và các con là Phan Văn H2, Phan Văn T2, Phan Thị N6. Bà H1 và bố mẹ đẻ các ông, bà không ai có con nuôi con riêng, các cụ thân sinh ra cụ T, cụ N3 đều đã chết. Việc đổi ruộng nông nghiệp giữa hộ ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn L2 cụ thể như thế nào các ông, bà không biết và không có quyền lợi gì. Nay hộ ông C khởi kiện yêu cầu bà B, anh H, anh N phải trả lại diện tích đất Đồng Ngoài của hộ ông C, các ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Văn T1: Bà Dương Thị N1 trình bày: Bà là con dâu của cụ Nguyễn Thị M là chồng của ông Phan Văn T1, là chị dâu của bà Phan Thị H1. Ông Phan Văn T1 chết năm 2009 không để lại di chúc. Bà và ông T1 có ba người con là Phan Văn H2, sinh năm 1984, Phan Văn T2, sinh năm 1985, Phan Thị N6 sinh năm 1987, ông T1 và bà không có con riêng, con nuôi. Ngày tháng năm nào vợ chồng bà H1 và ông L2 đổi ruộng cấy với hộ ông C như thế nào bà không biết, sau này xảy ra tranh chấp bà mới được nghe biết hai bên đổi ruộng cho nhau. Do việc đổi ruộng giữa gia đình bà H1 và gia đình ông C không liên quan đến gia đình bà và gia đình bà không có đóng góp, quyền lợi gì trên đất ruộng tranh chấp nên đề nghị Tòa án không báo gọi gia đình bà Dương Thị N1.

Anh Phan Văn H2, anh Phan Văn T2, chị Phan Thị N6 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện NLQ6 xác định: Năm 2001 hộ ông Nguyễn Văn C được giao chia đất nông nghiệp gồm 4 khẩu là NLQ1, NLQ2, NLQ4 và NLQ3 mỗi khẩu được giao chia 1,6 sào, tổng diện tích là 2.304m^2 tại Đồng Ngoài, Bãi Giỏ, Sậy Dưới, Sậy Trên, Chéo Khê mục đích để trồng lúa, thời hạn sử dụng đến năm 2013 và được UBND huyện Kim Bảng cấp GCNQSDĐ tên hộ ông Nguyễn Văn C. Đối với hộ ông Nguyễn Văn L2 được giao chia đất nông nghiệp gồm 4 khẩu là ông L2, bà H1, anh H, anh N mỗi khẩu được giao chia 1,6 sào, tổng diện tích là 2.304m^2 tại Đồng Khê, Đồng Trùng, Đồng Khua mục đích để trồng lúa, thời hạn sử dụng đến năm 2013. Năm 2001, ông C và ông L2 đổi ruộng cho nhau như nào thì UBND không được biết vì ông C và ông L2 không đến UBND xã Nguyễn Uý và cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục theo quy định của pháp luật, sau khi ông L2 và ông C đổi ruộng cho nhau thì hộ ông C vẫn cấy lúa hàng năm, hộ ông L2 đào ao xây dựng chuồng trại để chăn nuôi, việc hộ ông L2 đào ao, xây dựng chuồng trại có xin phép UBND xã hay không thì NLQ6 không

nắm được vì khi đó hộ ông L2 không báo cáo gì UBND xã và cũng không thấy thôn xóm báo cáo gì. Năm 2013, thực hiện chủ trương về việc dồn đổi ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn, UBND xã đã triển khai xuống các thôn xóm để xây dựng phương án và thông báo rộng rãi đến nhân dân trong toàn xã và theo báo cáo của thôn Phù Lưu 1 thì diện tích đất mà hộ ông L2 không đến gắp phiếu để nhận ruộng theo tiêu chuẩn nên UBND xã giao cho thôn quản lý. Khi hộ ông Nguyễn Văn L2 có nguyện vọng lấy diện tích được dồn dổi tại đồng Thuận Đức thì UBND xã sẽ giao cho hộ ông L2 sử dụng. Về thuế đất nông nghiệp, hộ nào vẫn nộp nghĩa vụ sản phẩm hộ đó. Nay ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị B phải tháo dỡ công trình, cây cối hoa màu trên diện tích 792m^2 ở vị trí Đồng Ngoài xã Nguyễn Uý, huyện Kim Bảng để trả lại hiện trạng cho ông C, đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 166; Điều 228; Điều 271; Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 122; 137; 410; 689; 691; 693 và Điều 694 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các Điều 106; 107; 126; 136 Luật Đất đai năm 2003. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NLQ1, ông Nguyễn Văn C (NLQ1 ủy quyền cho ông C).

Tuyên bố giao dịch dân sự chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn L2 vô hiệu.

Buộc anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị B phải tháo dỡ chuồng lợn; móng đá xây chuồng lợn; bể biôga và di chuyển 04 cây vải; 01 cây hồng xiêm; 01 cây táo; 01 cây xoài trên diện tích đất 792m^2 để trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn C diện tích đất nông nghiệp 792m^2, tờ bản đồ số 5, thửa 45 (26), vị trí Đồng Ngoài tại xã Nguyễn Úy, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ ông Nguyễn Văn C (Có trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo).

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí.

Chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N mỗi người phải chịu 1.343.666 đồng để nộp trả ông Nguyễn Văn C. Ông Nguyễn Văn C được nhận 4.031.000 đồng do bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N mỗi người nộp trả chi phí tố tụng. Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Văn H cùng kháng cáo toàn bộ bản án và cho rằng cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn C nhưng không buộc ông C trả lại đất đã đổi cho gia đình anh N, anh H là không khách quan và không đúng với quy định của pháp luật khi giải quyết hậu quả hợp đồng dân sự vô hiệu. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và không xuất trình tài liệu chứng cứ mới. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C tự nguyện hỗ trợ gia đình bị đơn số tiền 80.000.000 đồng để di chuyển, tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất; các bị đơn đều không nhất trí.

Tại Bản luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn (Anh N, anh H) đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn H; sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm xác định: Bản án sơ thẩm đã căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết tranh chấp giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp nhưng phần trích yếu lại ghi "V/v tranh chấp quyền sử dụng đất" là không đúng quan hệ tranh chấp nên đề nghị cấp phúc thẩm sửa lại phần trích yếu là "Tranh chấp hợp đồng chuyển đổi đất nông nghiệp" cho đúng. Về tư cách người tham gia tố tụng, cấp sơ thẩm xác định tư cách người tham gia tố tụng không đúng, cụ thể: NLQ1 được cấp sơ thẩm bổ sung người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Bản án sơ thẩm Toà án nhân dân huyện Kim Bảng lại xác định là nguyên đơn trong vụ án là không đúng và đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại NLQ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn L2 và bà Phan Thị H1 quan điểm của Viện kiểm sát xác định: Bố mẹ ông L2 và bà H1 không có tiêu chuẩn đất được giao chia trong hộ ông L2 và cũng không tham gia việc đổi đất giữa hai hộ gia đình nên đều không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn buộc các bị đơn mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng.

Đối với Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và các đương sự tại cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 691 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 132, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 3 Luật Đất đai năm 1993; chấp nhận kháng cáo của các anh Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H và sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam theo hướng: Công nhận giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp bằng miệng giữa ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn L2; công nhận hộ ông L2 được quyền quản lý, sử dụng 792m^2 đất tại Đồng

Ngoài, thuộc tờ bản đồ số 5, thửa 45 (26), xã Nguyễn Uý, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Hộ ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm liên hệ với cấp có thẩm quyền để đăng ký, kê khai đối với diện tích đất nông nghiệp đã đổi. Về án phí phúc thẩm anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn H không phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự vắng mặt tại phiên toà nhưng đã gửi Bản luận cứ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, một số có đơn đề nghị xét xử, một số vắng mặt không có lý. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Quá trình thụ lý, cấp sơ thẩm xác định NLQ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tuy nhiên, khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và bản án sơ thẩm lại xác định NLQ1 là nguyên đơn trong vụ án là không đúng với lý do: NLQ1 không có đơn khởi kiện, cũng không nộp tiền tạm ứng án phí. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của NLQ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam; đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của những người đã chết, quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng không liên quan đến vụ án; Hội đồng xét xử thấy việc cấp sơ thẩm bổ sung những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người đã chết không làm mất quyền và lợi ích của các đương sự khác mà làm rõ nội dung vụ án nên cấp phúc thẩm giữ nguyên.

Về quan hệ tranh chấp, cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp nhưng lại áp dụng khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết tranh chấp giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp là có sự mâu thuẫn; bản chất của vụ án là tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp và tại phiên toà sơ, phúc thẩm nguyên đơn đều đề nghị xem xét Hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp. Vì vậy, cấp phúc thẩm sửa lại phần trích yếu là "Tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Đối với thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp Hợp đồng trong vụ án này là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Tuy nhiên, các bên đương sự đều không đề nghị áp dụng thời hiệu nên cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự để không áp dụng thời hiệu khởi kiện là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Diện tích đất nông nghiệp 792m^2, tờ bản đồ số 5, thửa 45 (26), tại Đồng Ngoài, mục đích sử dụng trồng lúa, thời hạn tháng 12 năm 2013, có nguồn gốc và đứng tên hộ ông Nguyễn Văn C; diện tích đất nông nghiệp hộ ông Nguyễn Văn L2 tại Đồng Khê đứng tên hộ ông Nguyễn Văn L2. Các thửa đất ông C và ông L2 đổi cho nhau đều đã được cấp GCNQSDĐ năm 2001 cho đến nay không ai có ý kiến khiếu nại, thắc mắc gì về việc cấp GCNQSDĐ và cũng không bị cầm cố, thế chấp. Từ khi được giao đất cho đến khi các bên chuyển đổi đất nông nghiệp, diện tích đất đổi không có tranh chấp, mục đích các bên đổi đất nông nghiệp để đảm bảo thuận tiện cho việc canh tác, không phải trả tiền cho nhau. Khi đổi đất nông nghiệp các thành viên trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn L2 đều không tham gia việc đổi đất nông nghiệp và thời điểm hai bên canh tác các thành viên trong hộ gia đình đều không có ý kiến gì; thực tế, hai bên đã thực hiện hợp đồng đến khi phát sinh tranh chấp. Như vậy, xác định thời điểm giao kết Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn L2 bằng lời nói là thời điểm các bên đã thoả thuận về nội dung của Hợp đồng theo quy định tại Điều 404 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn L2 được lập bằng lời nói (Không phải bằng văn bản). Phía bị đơn (Ông Nguyễn Văn L2 đã chết năm 2017) không để lại di chúc; người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông L2 (Anh N, anh H, bà B) đều không biết việc hai bên thoả thuận đổi ruộng đất cụ thể như thế nào; đến năm 2008, ông L2 và bà B kết hôn thì cả gia đình (Ông L2, bà B, anh N, anh H) cùng sinh sống trên diện tích trang trại ở Đồng Ngoài. Phía nguyên đơn (Ông C) xác định: Cuối năm 2002, ông C đổi diện tích 792m^2 ở khu vực Đồng Ngoài cho ông L2 để ông C lấy ruộng ở Đồng Khê của hộ ông L2 sử dụng; khi đổi hai bên không đến đo thực địa, không giao ruộng cho nhau và không báo chính quyền địa phương, không sang tên chỉnh lý trong Sổ địa chính; thời hạn đổi ruộng đến hết năm 2012 hai bên trả lại ruộng cho nhau. Như vậy, lời khai của nguyên đơn phù hợp với quá trình các bên sử dụng diện tích đất nông nghiệp đã đổi; cụ thể: Hộ ông Nguyễn Văn L2 đào ao, xây dựng chuồng trại để chăn nuôi và cũng không xin phép chính quyền địa phương, các bên vẫn thực hiện việc nộp sản phẩm đối với diện tích ruộng đứng tên các hộ trong GCNQSDĐ mà không nộp sản phẩm diện tích thực tế các bên đã đổi để sử dụng và theo nguyên đơn Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp do hai bên thoả thuận bằng lời nói chỉ có hiệu lực đến hết năm 2012 là hoàn toàn phù hợp với việc thực hiện chủ trương về dồn đổi ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn và phù hợp với thời hạn sử dụng đất nông nghiệp ghi trong GCNQSDĐ cấp cho các bên đương sự.

Thực tế, năm 2013 Uỷ ban nhân dân xã Nguyễn Uý đã triển khai xuống các thôn xóm để xây dựng phương án dồn đổi ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn; trong đó có hộ ông Nguyễn Văn L2. Tuy nhiên, hộ ông Nguyễn Văn L2 không đến gắp phiếu nhận ruộng theo tiêu chuẩn nên Uỷ ban nhân dân xã Nguyễn Uý tạm giao

toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn L2 cho thôn quản lý; khi nào hộ ông L2 có nguyện vọng lấy diện tích đất được dồn đổi tại Đồng Thuận thì UBND xã Nguyễn Uý sẽ giao cho hộ ông L2 sử dụng theo quy định. Như vậy, diện tích đất nông nghiệp cũ tại Đồng Khê của hộ ông L2 (Đổi cho ông C) đã được giao chia cho hộ dân khác. Do đó, Hợp đồng chuyển đổi quyền sử đất nông nghiệp giữa ông Nguyễn Văn C với ông Nguyễn Văn L2 thuộc loại Hợp đồng có điều kiện về thời hạn và Hợp đồng đã hoàn thành; đồng thời, chấm dứt từ thời điểm chính quyền địa phương xã Nguyễn Uý, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam giao chia cho hộ dân theo chủ trương về dồn đổi ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn là hoàn toàn phù hợp với khoản 6 Điều 406, khoản 1 Điều 412 và khoản 1 Điều 424 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Hơn nữa, địa giới hành chính và tiêu chuẩn đất nông nghiệp của hai hộ gia đình khác nhau, hộ ông Nguyễn Văn C có địa giới hành chính tại Thôn Phù Lưu 2, xã Nguyễn Uý; hộ ông Nguyễn Văn L2 có địa giới hành chính tại Thôn Phù Lưu 1, xã Nguyễn Uý. Cho nên, hộ ông C không thể xin nhận tiêu chuẩn đất nông nghiệp ở thôn Phù Lưu 1 và ngược lại, hộ ông L2 không thể xin nhận tiêu chuẩn đất nông nghiệp ở thôn Phù Lưu 2, xã Nguyễn Uý.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn L2 đã được chấm dứt từ thời điểm Uỷ ban nhân dân xã Nguyễn Uý, huyện Kim Bảng thực hiện chủ trương về dồn đổi ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn; trong đó có phần đất của ông L2 đổi cho ông C. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại diện tích 792m^2 đất tại tờ bản đồ số 5, thửa số 45 (26) ở Đồng Ngoài Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam là có căn cứ. Đối với kháng cáo của anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn H và quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh N, anh H, cũng như quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ và không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm buộc mỗi bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng với Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy, cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm và buộc bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Văn H liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời, ghi nhận ông Nguyễn Văn C tự nguyện hỗ trợ gia đình bị đơn số tiền 80.000.000 đồng để di dời tài sản trên diện tích 792m^2 đất trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn C.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Văn H; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 166; Điều 184; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 404; khoản 6 Điều 406; khoản 1 Điều 412 và khoản 1 Điều 424 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 106; 107; 126; 136 Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Ông Nguyễn Văn C).

Tuyên bố Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn L2 chấm dứt.

Buộc anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị B phải phải tháo dỡ chuồng lợn; móng đá xây chuồng lợn; bể biôga và di chuyển 04 cây vải; 01 cây hồng xiêm; 01 cây táo; 01 cây xoài trên diện tích đất 792m^2 để trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn C diện tích đất nông nghiệp 792m^2, tờ bản đồ số 5, thửa 45 (26), vị trí đồng Ngoài tại xã Nguyễn Úy, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được Uỷ ban nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 227861 ngày 05 tháng 12 năm 2001 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn C; có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp diện tích đất các bị đơn đang sử dụng dài 54,32m;

- Phía Nam dài 52,88m;

- Phía Đông dài (10,70 + 5,22) = 15,92m;

- Phía Tây dài 13,70m.

(Có trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo).

Ghi nhận ông Nguyễn Văn C hỗ trợ anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị B số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N mỗi người phải chịu 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn N đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000247 và số AA/2021/0000248 ngày 26/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Trả lại anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn N mỗi người 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

- Chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N mỗi người phải chịu 1.343.666 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) để nộp trả ông Nguyễn Văn C. Ông Nguyễn Văn C được nhận 4.031.000 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi mốt nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N mỗi người trả chi phí tố tụng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy